|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOTHÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**TRƯỜNG THPT TAM PHÚ****TỔ CHUYÊN MÔN: SỬ - GDKTPL**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29**tháng 11 năm 2024*  |

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KỲ I**

**MÔN HỌC: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT – KHỐI 12**

**Năm học 2024 – 2025**

**BÀI 1: TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

**1. Tăng trưởng kinh tế và** **các chỉ tiêu tăng trưởng** **kinh tế**

**Khái niệm:**

-Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng về quy mô sản lượng của một nền kinh tế trong một thời kì nhất định so với thời kì gốc. Sự tăng trưởng kinh tế được so sánh với các năm gốc kế nhau được gọi là tốc độ tăng trưởng kinh tế.

-Tăng trưởng kinh tế được đo bằng mức tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc

mức tăng tổng thu nhập quốc dân (GNI) trong một thời kì nhất định (thường là một năm).

**Một số chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:**

+ Tổng sản phẩm quốc nội (GDP): Là giá trị bằng tiền (theo giá cả thị trường) của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước, trong một thời gian nhất định (thường là một năm).

+ Tổng thu nhập quốc nội bình quân đầu người (GDP/người): Tổng sản phẩm quốc nội của quốc gia trong năm chia cho dân số trung bình trong năm tương ứng. GDP/ người thì là chỉ tiêu quan trọng để so sánh đánh giá trình độ phát triển kinh tế và mức sống dân cư giữa các quốc gia hoặc giữa các vùng, tỉnh thành trong cả nước là một trong những căn cứ để tính chỉ số phát triển con người (HDI).

+ Tổng thu nhập quốc dân (GNI): là thứơc đo về thu nhập của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra (bao gồm cả ở trong và ngoài lãnh thổ quốc gia) trong một thời gian nhất định (thường là một năm).

+ Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người): Tổng thu nhập của quốc gia trong năm chia cho dân số trung bình trong năm tương ứng. GNI/người dùng để đánh giá mức sống phân hóa giàu nghèo, tính tỷ lệ nghèo nhằm hoạch định chính sách góp phần nâng cao mức sống xóa đói giảm nghèo.

**2. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế**

**Khái niệm:** Là một quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế trong một thời gian nhất định, bao hàm sự tăng trưởng kinh tế ổn định và dài hạn, đi liền với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý và tiến bộ xã hội.

- Tăng trưởng kinh tế phản ánh sự thay đổi về mặt lượng của nền kinh tế.

- Phát triển kinh tế là quá trình biến đổi cả về số lượng và chất lượng của nền kinh tế.

**Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế:**

- Sự gia tăng của các chỉ tiêu tăng trưởng: tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người), tổng thu nhập quốc dân(GNI), tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/ người).

- Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tích cực: tỉ trọng của ngành công nghiệp, dịch vụ trong GDP tăng lên, tỉ trọng của ngành nông nghiệp giảm đi. Cơ cấu kinh tế này phản ánh trình độ phân công lao động xã hội, thể hiện trình độ phát triển của lực lượng xã hội, trình độ khoa học công nghệ…

- Chỉ tiêu về tiến bộ xã hội: thể hiện ở sự công bằng xã hội, mức sống của người dân tăng lên, chênh lệch giàu nghèo ngày càng ít đi, các loại phúc lợi xã hội, dân trí tăng lên. Tiến bộ xã hội được thể hiện qua một số chỉ tiêu:

 + **Chỉ số phát triển con người** (HDI) là thước đo tổng hợp phản ánh sự phát triển của con người trên 3 phương diện là sức khỏe, giáo dục và thu nhập.

+ **Chỉ số đói nghèo**: thể hiện qua tỷ lệ nghèo đa chiều, phản ánh những thiếu hụt người nghèo phải đối mặt cùng một lúc liên quan đến tiêu chí thu nhập tiêu chí mức độ thiếu hụt của các dịch vụ cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin).

+ **Chỉ số bất bình đẳng xã hội**: thể hiện qua hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini) phản ánh tình trạng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập của các tầng lớp dân cư.

 **Phân biệt tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế:**

- Tăng trưởng kinh tế đơn thuần chỉ là sự thay đổi về lượng, chưa phản ánh sự biến đổi về chất của một nền kinh tế.

- Phát triển kinh tế có phạm vi rộng hơn, toàn diện hơn so với tăng trưởng kinh tế.

- Mục tiêu cuối cùng của sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia là sự tiến bộ xã hội cho con người, trên cơ sở những tiến bộ đã đạt được về mặt kinh tế.

**3. Vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế:**

- Là tiền đề vật chất để giảm bớt tình trạng nghèo đói.

- Làm cho mức thu nhập dân cư tăng, phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của cộng đồng được cải thiện.

- Tạo điều kiện giải quyết công ăn việc làm, thu nhập dân cư tăng, phúc lợi xã hội; thực hiện phân phối công bằng, hợp lý và chất lượng cuộc sống của cộng đồng được được cải thiện

- Tạo tiền đề vật chất cung cấp nguồn lực để củng cố an ninh quốc phòng, củng cố chế độ chính trị, tăng uy tín, vị thế quốc gia, và tăng vai trò quản lí của nhà nước đối với xã hội.

- Đối với Việt Nam, tăng trưởng kinh tế còn là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng tụt hậu.

**4. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững**

**-** Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lí, hài hoà giữa ba mặt: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

- Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

- Tăng trưởng kinh tế là một nội dung của phát triển bền vững. Nếu vì mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà không tạo ra sự phát triển bền vững sẽ dẫn tới những tác động tiêu cực đến xã hội và môi trường như: chợ chênh lệch lớn về thu nhập và mức sống đi giữa các nhóm dân cư, bất bình đẳng về thu nhập dẫn đến khủng hoảng về xã hội, gia đình và những tác động tiêu cực đến văn hóa truyền thống, đạo đức lối sống khai thác bừa bãi tài nguyên… vì những ảnh hưởng tiêu cực ấy nền các quốc gia đều đặt mục tiêu lâu dài là phát triển bền vững. Ngược lại, phát triển bền vững tạo điều kiện thuận lợi phát huy các nguồn lực tự nhiên và xã hội để tăng trưởng kinh tế diễn ra mạnh mẽ, bền vững hơn.

**BÀI 2: HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

**1. Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế**

Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

**2.** **Sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế**

Hội nhập kinh tế quôc tế là tất yếu khách quan với tất cả các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá.

Hội nhập kinh tế quốc tế giúp mỗi quốc gia mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng và phát triền kinh tế; tạo ra nhiều cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập của các tầng lớp dân cư.

Đối với các nước đang phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế là con đường tốt nhất để rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các nước khác và phát huy những lợi thế của mình trong phân công lao động quốc tế, tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng các nguồn lực bên ngoài như tài chính, khoa học - công nghệ, kinh nghiệm cho quá trình phát triển của mình.

**3. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế**

- Hội nhập kinh tế quốc tế được thực hiện theo nhiều **cấp độ** khác nhau như: Hội nhập toàn cầu, hội nhập khu vực và hợp tác song phương.

+ **Hợp tác song phương** là hợp tác được ký kết giữa 2 quốc gia, chủ thể của luật quốc tế, dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nhau nhằm thiết lập và phát triển quan hệ kinh tế thương mại giữa các bên.

+ **Hội nhập khu vực** là quá trình liên kết hợp tác giữa các quốc gia trong một khu vực trên cơ sở tương đồng về địa lý, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển.

+ **Hội nhập toàn cầu** là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức toàn cầu.

- Xét theo **mức độ liên kết** trong hội nhập kinh tế quốc tế, các quốc gia có thể tham gia: Thoả thuận thương mại ưu đãi, hiệp định thương mại tự do, liên minh thuế quan, thị trường chung và liên minh kinh tế.

+ **Thỏa thuận thương mại ưu đãi** là thỏa thuận giữa các bên tham gia nhằm hạ thấp một phần hàng rào thuế quan cho nhau và duy trì hàng rào đó với các bên khác không tham gia thỏa thuận.

+ **Hiệp định thương mại tự do** là thỏa thuận giữa các bên tham gia nhằm xóa bỏ hầu hết hàng rào thuế quan và phi thuế quan nhưng vẫn duy trì chính sách thuế quan riêng của mỗi bên đối với các nước ngoài hiệp định.

+ **Liên minh thuế quan** là hình thức xóa bỏ thuế quan và những rào cản phi thuế quan đối với hàng hóa, dịch vụ trong quan hệ buôn bán với các nước thành viên, đồng thời thiết lập và áp dụng một biểu thuế quen chung của các nước thành viên với các nước khác.

+ **Thị trường chung** được thành lập bởi các quốc gia trong một khu vực địa lý để thúc đẩy tự do thương mại, tự do di chuyển lao động và vốn giữa các thành viên.

+ **Liên minh kinh tế** là hình thức các bên tham gia hình thành thị trường chung, đồng thời xây dựng chính sách kinh tế chung, thực hiện những mục tiêu chung cho toàn liên minh.

- Hội nhập kinh tế quốc tế thể hiện thông qua các **hình thức đa dạng** của các hoạt động kinh tế như: Thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, các dịch vụ thu ngoại tệ.

+ **Thương mại quốc tế** là sự trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia. Nhìn ở góc độ quốc gia, thương mại quốc tế bao gồm hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ. Mức độ hội nhập kinh tế quốc tế của quốc gia thể hiện ở sự tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu.

+ **Đầu tư quốc tế** là quá trình kinh doanh trong đó vốn đầu tư được di chuyển từ quốc gia này sang quốc gia khác với mục đích sinh lời. Đầu tư quốc tế được chia thành 2 hình thức chủ yếu là đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp.

+ **Các dịch vụ thu ngoại tệ** bao gồm các hoạt động kinh tế quốc tế dưới dạng các dịch vụ quốc tế như du lịch quốc tế, giao thông vận tải quốc tế, thông tin liên lạc quốc tế, bảo hiểm quốc tế, thanh toán và tín dụng quốc tế, xuất nhập khẩu lao động…

**BÀI 3. BẢO HIỂM**

**1. Bảo hiểm và các loại hình bảo hiểm**

*a. Khái niệm bảo hiểm và các loại hình bảo hiểm.*

- **Khái niệm:**Bảo hiểm là một dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm đóng phí bảo hiểm cho tổ chức bảo hiểm để được bồi thường hoặc chỉ trả bảo hiểm cho những thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm hoặc người thứ ba phải gánh chịu khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra.

**- Bảo hiểm bao gồm 4 loại hình:**

+ Bảo hiểm xã hội

+ Bảo hiểm y tế

+ Bảo hiểm thất nghiệp

+ Bảo hiểm thương mại

*b. Sự cần thiết của việc tham gia bảo hiểm.*

Bảo hiểm lại cần thiết đối với con người vì: giúp con người chuyển giao rủi ro, chia sẻ rủi ro, khắc phục hậu quả tổn thất.

**2. Vai trò của bảo hiểm**

- Về kinh tế:

+ Bảo hiểm góp phần ổn định tài chính và đảm bảo an toàn cho các khoản đầu tư của các cá nhân;

+ Bảo hiểm còn là một kênh huy động vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội;

+ Góp phần ổn định và tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

- Về xã hội:

+ Bảo hiểm góp phần giảm thiểu tổn thất, đảm bảo an toàn cho cuộc sống của con người, việc tham gia bảo hiểm còn góp phần hình thành lối sống tiết kiệm trong xã hội;

+ Ngoài ra, bảo hiểm phát triển còn tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp trong nền kinh tế.

**BÀI 4. AN SINH XÃ HỘI**

**1. An sinh xã hội và các chính sách an sinh xã hội**

*a. Khái niệm và sự cần thiết của an sinh xã hội.*

An sinh xã hội là hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội.

Hệ thống chính sách an sinh xã hội hiện nay ở Việt Nam bao gồm: chính sách việc làm, thu nhập và giảm nghèo; chính sách bảo hiểm xã hội; chính sách trợ giúp xã hội; chính sách dịch vụ xã hội cơ bản.

*b. Các chính sách an sinh xã hội cơ bản*

An sinh xã hội ra đời nhằm bảo đảm an toàn cho mọi thành viên trong xã hội trước những rủi ro trong cuộc sống. Mỗi công dân cần nhận thức đúng đắn về vai trò của an sinh xã hội, tích cực tham gia và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện các chính sách về an sinh xã hội để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

**2. Vai trò của an sinh xã hội**

Trong nền kinh tế thị trường, an sinh xã hội có vai trò quan trọng trong việc phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong cộng đồng, xã hội; góp phần đảm bảo công bằng xã hội; duy trì ổn định xã hội, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế – xã hội.

Cùng với quá trình phát triển của xã hội, vai trò của Nhà nước trong việc xây dựng, triển khai chính sách an sinh xã hội ngày càng quan trọng, diện bảo vệ của an sinh xã hội ngày càng được mở rộng, nội dung của an sinh xã hội ngày càng phong phú, đa dạng.

**BÀI 5. LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH**

**1. Kế hoạch kinh doanh và sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh.**

Kế hoạch kinh doanh là bản mô tả những nội dung cơ bản về định hướng, mục tiêu, nguồn lực, tài chính, kế hoạch bán hàng.... nhằm giúp chủ thể kinh doanh xác định được các nhiệm vụ chủ yếu, chuẩn bị trước các phương án đối phó với những rủi ro, thách thức cũng như đề ra các giải pháp để đảm bảo thực hiện được mục tiêu đã đề ra.

Lập kế hoạch kinh doanh giúp chủ thể kinh doanh nắm bắt tình hình thực tế và đưa ra những định hướng trong tương lai, giúp xác định được mục tiêu, chiến lược, thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nội lực của bản thân, đưa ra phương hướng kinh doanh và phương thức thực hiện, chủ động thực hiện và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, giúp người kinh doanh có tầm nhìn tốt hơn cho việc kinh doanh trong tương lai.

**2. Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh**

- Xác định được định hướng, ý tưởng kinh doanh.

- Xác định mục tiêu kinh doanh.

- Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh: thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Xác định chiến lược kinh doanh.

- Xác định kế hoạch tổ chức thực hiện chiến lược.

- Đánh giá rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp xử lí để giảm thiểu tác động đến hoạt động kinh doanh.

**3. Các bước lập kế hoạch kinh doanh**

Bước 1. Xác định ý tưởng kinh doanh.

Bước 2. Xác định mục tiêu kinh doanh (mục tiêu cần cụ thể, rõ ràng, thực tế, phù hợp khả năng).

Bước 3. Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh, bao gồm sản phẩm, dịch vụ kinh doanh; khách hàng; thị trường, tài chính, nhân sự....

Bước 4. Xác định chiến lược kinh doanh với chỉ tiết hoạt động và kế hoạch thực hiện hoạt động.

Bước 5. Đánh giá cơ hội, rủi ro và biện pháp xử lí.

**BÀI 6. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và các hình thức thực hiện**

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà một doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể, nhằm mang lại ảnh hưởng tích cực đến xã hội, đóng góp cho các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững của đất nước.

- Trách nhiệm kinh tế: đầu tư tối ưu quy trình vận hành dẫn đến tiết kiệm chi phí; sản xuất hàng hoá, dịch vụ mà xã hội cần với mức giá hợp lí, tạo công ăn việc làm cho người lao động với mức thù lao xứng đáng, tạo cho họ cơ hội phát triển chuyên môn, nghề nghiệp: đảm bảo chất lượng, an toàn sản phẩm cho người tiêu dùng,

- Trách nhiệm pháp lí: tuân thủ pháp luật về thuế, môi trường, bảo vệ người tiêu dùng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Trách nhiệm đạo đức: thực hiện đạo đức kinh doanh; sản xuất sản phẩm, dịch vụ không gây hại cho xã hội và môi trường, đối xử công bằng, khách quan với người lao động.

- Trách nhiệm từ thiện, tỉnh nguyện: tham gia các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo, giúp đỡ những người trong cộng đồng có hoàn cảnh khó khăn, tham gia các hoạt động công ích xã hội, đóng góp phát triển cộng đồng.

**2. Ý nghĩa** **của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp**

- Đối với xã hội: Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước; hỗ trợ giải quyết những khó khăn, thách thức của cộng đồng và xã hội; góp phần bảo vệ môi trường.

- Đối với doanh nghiệp: Thực hiện trách nhiệm xã hội mang đến nhiều lợi ích cho doanh nghiệp, tạo ra hình ảnh thương hiệu tích cực, tạo dựng tên tuổi, hình ảnh xã hội của doanh nghiệp, tạo dựng niềm tin đối với công chúng và tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

**Khi thực hiện nhiệm vụ điều hành doanh nghiệp, mỗi công dân có trách nhiệm:**

- Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, an toàn trong doanh nghiệp; bảo đảm quyền lợi chính đáng của cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp mình.

- Duy trì chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi, niềm tin của người tiêu dùng, kết hợp hài hoà lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của người tiêu dùng.

- Cùng tập thể lãnh đạo xây dựng chính sách, kế hoạch và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng phù hợp với lĩnh vực hoạt động, điều kiện và khả năng thực hiện của doanh nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Niêm yết;- PHT (Mai).- GVBM; GVCN; HS- Lưu: VT | **TM. TỔ CHUYÊN MÔN****TỔ PHÓ CHUYÊN MÔN****(Đã ký)** |
|  | **Đồng Ngọc Tâm** |